



## PHẠM TRÙ NỘI ĐỘNG/NGOẠI ĐỘNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ-THUYẾT TRONG TIẾNG VIỆT

Lê Kinh Thăng\*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-7-2016; ngày phân biên đánh giá: 08-10-2016; ngày chấp nhận đăng: 21-02-2017

### TÓM TẮT

Mối quan hệ giữa phạm trù nội động/ngoại động và cấu trúc Đề-Thuyết là một quan hệ phức tạp. Phân tích mối quan hệ này là tìm hiểu mối quan hệ giữa động từ làm vị ngữ trong phần thuyết và các ngữ đoạn giữ vai trò là tham tố trong cấu trúc nghĩa. Việc Bị thể, Nhận thể trong cấu trúc nghĩa có thể đứng ở vị trí Đề là một đặc điểm nổi bật trong tiếng Việt, một ngôn ngữ thiên về chủ đề tiêu biểu.

**Từ khóa:** nội động, ngoại động, đề, thuyết, vị từ, động từ.

### ABSTRACT

#### *(In)transitivity and topic-comment structure in Vietnamese*

The relationship between (in)transitivity and topic-comment structure is a complex one. Analyzing the relationship is examining the relationship between a verb in the comment position and terms which are arguments in semantic structure. The fact that patients, receivers in semantic construction can occur at topic position is a remarkable characteristic in Vietnamese, a typical topic prominent language.

**Keywords:** Intransitive, transitive, (in)transitivity, topic, comment, verb.

### 1. Đặt vấn đề

Mang đặc tính của ngôn ngữ thiên chủ đề, mối quan hệ giữa cấu trúc Đề-Thuyết với phạm trù nội động/ngoại động trong tiếng Việt thể hiện đa dạng và khá phức tạp. Tìm hiểu mối quan hệ giữa cấu trúc Đề-Thuyết với phạm trù nội động/ngoại động<sup>1</sup> chính là chỉ ra mối quan hệ cú pháp giữa vị từ làm nòng cốt phần Thuyết với các ngữ đoạn danh từ trong cấu trúc Đề-Thuyết, trong đó, ngữ đoạn danh từ đứng trước và ngữ đoạn đứng ngay sau vị từ đóng vai trò quan trọng – thành phần thường là tiêu điểm của những cuộc tranh luận về tư cách cú pháp của chúng.

Phần còn lại của bài viết, sau khi điếm qua vài nét về phạm trù nội động/ngoại động và cấu trúc Đề-Thuyết, tập trung thảo luận về mối quan hệ giữa phạm trù nội động/ngoại động với cấu trúc Đề-Thuyết trong tiếng Việt thể hiện trong hai kiểu cấu trúc có chứa (ngữ) vị từ, được mô hình hóa như sau: (i) “N (+ bị/ được) + V (+N’)”;

(ii) “N + N’ + V (+N’)”;

trong đó N, N’, N’<sup>2</sup> là những (ngữ) danh từ; V là vị từ.

### 2. Phạm trù nội động/ngoại động và cấu trúc Đề-Thuyết

Nội động/ngoại động khởi thủy được xem là một là phạm trù gắn liền với nghĩa:

\* Trường Đại học Đồng Nai; Email: lekinhthang@gmail.com

“một vị từ là ngoại động khi mà hành động không dừng ở tác nhân, mà đi qua một cái gì khác” còn “một vị từ là nội động khi mà hành động dừng lại ở tác nhân, và không đi từ tác nhân tới bất cứ cái gì khác” [10, tr.64]. Về sau, gắn với khuynh hướng ngữ pháp cấu trúc, nội động và ngoại động được phân biệt hoàn toàn dựa trên tiêu chí cú pháp. Tiêu chí này phân định vị từ dựa trên cơ sở  $[\pm$  bổ ngữ (bổ ngữ) trực tiếp]. Theo đó, những vị từ bắt buộc phải kết hợp với bổ ngữ trực tiếp là vị từ ngoại động. Vị từ nội động, ngược lại, không đi kèm với bổ ngữ trực tiếp. Ngoại động/chuyển tác (transitivity) được các nhà ngữ pháp chức năng hệ thống không xem là một phạm trù của vị từ mà là một phạm trù thuộc về mệnh đề/cú (clause). Chuyển tác, theo M.Halliday, là một hệ thống ngữ pháp nhằm phân thể giới khái niệm thành một tập hợp các kiểu quá trình (process types). Nó được hiểu là cách tổ chức các mô hình cú pháp liên quan đến: (i) lựa chọn một quá trình (một kiểu động từ); (ii) lựa chọn các diễn tố (kiểu và số lượng các tham tố bắt buộc); (iii) lựa chọn các chu tố (kiểu và số lượng các tham tố tự do). Kết quả của việc lựa chọn trên là sự hình thành của một trong ba quá trình: *quá trình vật chất*, *quá trình tinh thần*, *quá trình quan hệ* [8, tr.107-108]. Chuyển tác, do đó, được là kiểu mô hình cú pháp liên quan chặt chẽ đến phương diện nghĩa (thể hiện thể giới kinh nghiệm bên ngoài).

Nội động/ngoại động cần được xem là một phạm trù ngữ pháp gắn chặt với vị từ. Phạm trù này thường được xác định dựa

vào những dấu hiệu hình thức như sự đánh dấu cách trên các ngữ đoạn chức năng, trật tự các thành tố, tiêu chí  $[\pm$  bổ ngữ trực tiếp]... Tiêu chí nghĩa (chẳng hạn, số lượng, đặc tính các vai nghĩa gắn với vị từ) có thể được dùng như tiêu chí bổ sung, tham khảo cho việc nhận diện phạm trù nội động/ngoại động cũng như phân chia vị từ thành các tiểu loại [3, tr.59-61].

Cấu trúc Đề-Thuyết cũng là vấn đề gây tranh cãi trong việc nhận diện cũng như vai trò của nó trong nghiên cứu câu. Đề-Thuyết thường được xem là một kiểu cấu trúc câu nhìn từ bình diện tổ chức thông điệp. Cho dù có khuynh hướng đồng nhất cấu trúc Đề-Thuyết với cấu trúc thông tin hay bóc tách hai cấu trúc này, Đề-Thuyết thường được xem như là các thành phần tạo nên thông điệp: “Một thông điệp bao gồm một Đề ngữ kết hợp với một Thuyết ngữ” [6, tr.5].

Chia sẻ quan điểm của một số nhà loại hình học, chức năng luận (C. Li, S.Thompson 1976, H. Dyvik 1984...), Cao Xuân Hạo [2] cho rằng cấu trúc Đề-Thuyết trong những ngôn ngữ như tiếng Việt cần được xem là cấu trúc cú pháp<sup>3</sup>. Chúng tôi, trong bài viết này, cũng xem Đề-Thuyết là cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt.

Đề-Thuyết là cấu trúc cú pháp và nội động/ngoại động cũng là một phạm trù ngữ pháp của vị từ gắn chặt với câu. Vì thế, tìm hiểu mối quan hệ giữa phạm trù nội động/ngoại động với cấu trúc Đề-Thuyết là xem xét các phương diện ngữ pháp, ngữ nghĩa liên quan đến câu và vị từ.

### 3. Mối quan hệ giữa nội động/ngoại động với cấu trúc Đề-Thuyết trong một số cấu trúc câu trong tiếng Việt

#### 3.1. Cấu trúc “*N (+ bị/ được) + V (+ N’)*”

Thuộc về cấu trúc này có hai trường hợp sau.

Trường hợp thứ nhất, *N* là một tham tố giữ một trong các vai Hành thể, Tác thể, Nghiệm thể, Lược... trong cấu trúc nghĩa của vị từ (*V*). Trật tự các thành tố trong những câu kiểu này được một số tác giả xem là bình thường, phù hợp quy tắc chung. Trong cấu trúc này, *V* có thể là vị từ nội động hay vị từ ngoại động.

(1) *Nam thường dậy trước 5 giờ.*

(2) *Lan vẽ tranh rất đẹp.*

(3) *Tôi rất thích bức tranh ấy.*

(4) *Gió thổi tóc mái nhà.*

Trong các câu trên, mối quan hệ nghĩa giữa *N* với (ngữ) vị từ làm Thuyết thể hiện rất đa dạng [2, tr.115-117]. Về quan hệ cú pháp, hầu hết các nhà nghiên cứu tiếng Việt đều nhận thấy *N* không nằm trong cấu trúc ngữ vị từ do vị từ trong phần Thuyết làm trung tâm, nghĩa là, *N* không phải là một bổ ngữ của vị từ. Tư cách cú pháp của vị từ trong các câu trên nhìn chung không gây tranh luận.

Trường hợp thứ hai, *N* là một tham tố bất động vật và là Bị thể trong cấu trúc nghĩa của *V*; phía trước vị từ này có thể có vị từ tình thái (“bị”, “được”, “phải”). Đây là cấu trúc gây nhiều tranh cãi trong giới Việt ngữ học. Một số tác giả cho rằng đây là cấu trúc bị động và vị từ trong cấu trúc này bao giờ cũng là những vị từ ngoại

động, trong đó Đề vốn là bổ ngữ được đảo lên trước, do đó cấu trúc này được coi là phái sinh từ một cấu trúc chủ động của cùng vị từ. Đây cần được xem là một kiểu câu mà vị từ của nó xét từ phương diện nghĩa phản ánh sự tình thường là những vị từ trạng thái. Về phương diện cú pháp, vị từ trong kiểu cấu trúc này có thể là vị từ nội động hoặc là vị từ ngoại động:

(5) *Com đã (được) nấu.*

(6) *Mái nhà ấy (bị) tóc.*

“Com” trong câu (5) được hiểu là '(đang) ở trạng thái nấu/chín rồi'. “Mái nhà” trong câu (6) được hiểu là '(đang) ở trạng thái bị tóc/ không còn nguyên vẹn'. Trong tiếng Việt có khoảng 720 vị từ thuộc loại này – những vị từ có hai cách dùng, trong đó, một cách dùng theo nghĩa hành động, một cách dùng theo nghĩa trạng thái. Ở cách dùng theo nghĩa hành động, chúng thường là vị từ ngoại động. Ở cách dùng theo nghĩa trạng thái, chúng là vị từ nội động.

#### 3.2. Cấu trúc “*N + N’ + V (+N’)*”

Cấu trúc “*N + N’ + V (+N’)*”, đặc biệt là tư cách cú pháp của ngữ đoạn *N* là đề tài gây nên những cuộc tranh luận dai dẳng trong giới nghiên cứu tiếng Việt. Nhiều tác giả đã có những kiến giải đáng chú ý liên quan tới vấn đề này (Trương Văn Chỉnh & Nguyễn Hiến Lê 1963; Nguyễn Kim Thán 1963, 1964; L. Thompson 1965; Nguyễn Tài Cẩn 1975; Lý Toàn Thắng & Nguyễn Thị Nga 1982; H. Dyvik 1984; Cao Xuân Hạo 1991, 1998; Diệp Quang Ban 1992, 2004...). Sự tranh luận xung quanh việc ngữ đoạn *N* (thường

được gọi là *bổ ngữ đảo/khởi ngữ/từ bổ đề/khởi ý/từ-chủ đề, chủ đề...*) có vai trò gì trong cấu trúc câu “ $N + N' + V (+N)$ ”. Việc xác định tư cách cú pháp của thành phần này sẽ dẫn đến những kết luận khác nhau về cấu trúc cú pháp đang xét và quan trọng hơn nó cho biết thái độ của các nhà nghiên cứu về đặc tính loại hình tiếng Việt. Việc xem  $N$  trong cấu trúc trên là thành phần phụ, là một bộ phận trong câu được đảo lên (đảo ngữ) thường gắn với quan niệm xem cấu trúc cú pháp tiếng Việt là cấu trúc chủ-vị. Trong khi đó, việc xem thành phần này là thành phần cú pháp cơ bản thường gắn với quan niệm cho rằng cấu trúc cú pháp tiếng Việt là cấu trúc Đề-Thuyết. Tư cách của các thành tố khác trong cấu trúc trên thường bị quyết định bởi cách hiểu vai trò cú pháp của ngữ đoạn  $N$ . Liên quan đến những quan hệ có thể có giữa ngữ đoạn  $N$  với các thành tố còn lại trong cấu trúc “ $N + N' + V (+N)$ ”, có một số kiểu dạng như sau:

- *Kiểu thứ nhất*,  $N$  có quan hệ lỏng với các thành phần còn lại.  $N$  là thành phần in đứng trong các câu dưới:

(7) Thăng cha Nam *há*, *tôi đã từ (hắn) rồi*.

(8) Cuốn sách này *phỏng*, *tôi đã đọc (nó) rồi*.

$N$  được một số tác giả xem là thành phần khởi ngữ (*đề ngữ/từ-chủ đề/bổ ngữ giới hạn*); một số tác giả khác gọi là Ngoại đề. Tuy có tên gọi khác nhau nhưng ngữ đoạn này được các nhà nghiên cứu xem là thành phần phụ, nằm ngoài cấu trúc cú pháp. Đặc điểm chung của thành phần này

là có thể lược bỏ mà không làm thay đổi cấu trúc cơ bản của câu. Thành phần này (phần in đứng) bao giờ cũng có thể có mặt trong cấu trúc câu cơ bản phía sau dưới hình thức là những đại từ hồi chỉ. Xét về mặt chức năng thông tin, sự có mặt của ngữ đoạn này nhằm phục vụ cho mục chuyển tiếp, duy trì đối thoại... chứ không chứa nội dung thông báo cơ bản. Thành phần này được tách rời với các thành phần còn lại bằng dấu phẩy (hay bằng một sự ngắt hơi, dấu ngừng khá dài trên văn bản nói) và kết thúc bởi một tiểu từ tình thái [2, tr.79-81].

- *Kiểu thứ hai*,  $N$  chỉ có quan hệ nghĩa với  $N'$  chứ không có quan hệ nghĩa trực tiếp với  $V$  (quan hệ phi tham tố).

(9) Bộ đội *họ đánh giặc giỏi lắm*.

(10) Nam Bắc *hai miền ta có nhau*.

Trong các câu trên,  $N$  (phần in đứng) và  $N'$  (phần in đậm nghiêng) có cùng sở chỉ. Vị từ trong những câu này có thể thuộc về các loại khác nhau. Chẳng hạn, “đánh” ở câu (9) là vị từ ngoại động điển hình còn “có” ở câu (10) là vị từ ngoại động kém điển hình. Về tư cách cú pháp,  $N$  được một số tác giả xem là khởi ngữ (thậm chí đánh đồng với trường hợp  $N$  là Ngoại đề tức là kiểu thứ nhất vừa đề cập ở phần trên). Theo quan điểm ngữ pháp chức năng,  $N$  trong cấu trúc này được xem là Chủ đề (một loại Nội đề) có chức năng là thành phần chính trong cấu trúc cú pháp.  $N'$  là tiểu đề cùng với  $V$  tạo thành tiểu cú (Đề-Thuyết bậc 2) làm thành phần Thuyết cho ngữ đoạn  $N$  (làm Đề). Về phương diện chức năng, cấu trúc này hoàn toàn giống

với cấu trúc sẽ đề cập trong kiểu thứ ba dưới đây. Tuy nhiên,  $N$  ở cấu trúc này không có quan hệ tham tổ với  $V$  trong phần Thuyết.

- *Kiểu thứ ba*,  $N$  có quan hệ nghĩa trực tiếp với  $V$  (quan hệ tham tổ) và  $N$ ,  $N'$  không bao giờ có cùng sở chỉ. Trường hợp này thể hiện rõ nhất mối quan hệ giữa phạm trù nội động/ngoại động với cấu trúc Đề-Thuyết.

(11) Làng ta *chúng đốt trại hết*.

(12) Cuốn sách ấy *tôi thích lắm*.

(13) Sa Pa *tôi đến một lần rồi*.

(14) Thăng Nam *(bị) bạn gái chơi xấu*.

$N$  trong các câu trên được một số tác giả xem là hiện tượng đảo ngữ (bổ ngữ của vị từ trong câu được đảo lên phía trước) hoặc được gọi là thành phần khởi ngữ (đề ngữ) và nó cũng bị xem là thành phần ngoài cấu trúc nòng cốt câu. Thực ra, thành phần này có vai trò cú pháp rất quan trọng. Nó được các nhà ngữ pháp chức năng gọi là Chủ đề. Nhiệm vụ đặt ra là xác định đặc điểm cú pháp của vị từ trong cấu trúc này (chúng là vị từ nội động hay vị từ ngoại động). Việc xác định đặc điểm cú pháp của  $N$  (và  $N'$ ) trong các câu trên sẽ góp phần giải đáp vấn đề này.

Việc gọi  $N$  là thành phần phụ, là bổ ngữ của vị từ ngoại động được đảo lên có vẻ hợp lí. Tuy nhiên, một số nhà Việt ngữ học đã chứng minh việc xem  $N$  trong các ví dụ từ (11) đến (14) là thành phần phụ nằm ngoài cấu trúc cú pháp cơ bản là không hợp lí vì tính chất bắt buộc của chúng trong cấu trúc (không thể lược bỏ). Hơn nữa, việc  $N$  có các thuộc tính của chủ đề (trương đương

với những thuộc tính của chủ ngữ trong các ngôn ngữ thiên chủ ngữ) càng khẳng định việc xem  $N$  là thành phần đảo (bổ ngữ đảo) và là thành phần phụ ngoài cấu trúc là giải pháp khó chấp nhận. Tư cách cú pháp của  $N$  trong các ví dụ trên, như nhiều nhà loại hình học đã chứng minh, là Đề trong cấu trúc cú pháp [2, tr.106]. Câu hỏi còn lại là vị từ trong những câu như vậy là vị từ nội động hay vị từ ngoại động?

(15) Ngôi nhà này *chúng tôi xây trong ba tháng*.

(16) Luật Giáo dục Quốc hội *thông qua từ lâu rồi*.

Xem vị từ trong các câu trên là vị từ nội động dường như khó được chấp nhận. Là những vị từ hành động có chủ thể mang đặc tính [+chủ ý] (“chúng tôi”, “Quốc hội”), những vị từ này được người Việt cảm nhận chưa hoàn chỉnh (cả về ý nghĩa và cú pháp) nên cần phải có thêm một ngữ đoạn. Tuy nhiên, vì những lí do nhất định (được hiểu ngầm, hay do tình huống) ngữ đoạn này có thể không được hiện thực hóa (vắng mặt). Trên thực tế, không nhà Việt ngữ học nào xem vị từ trong các câu trên là vị từ nội động.

Những vị từ kiểu này hoàn toàn có đủ tư cách là vị từ ngoại động. Nhiệm vụ đặt ra là xác định bổ ngữ trực tiếp của chúng. Câu trả lời ở đây rõ ràng chỉ có thể là: (i) bổ ngữ trực tiếp chính là  $N$  (tức là ngữ đoạn làm Đề); (ii) bổ ngữ trực tiếp đã bị tình lược (bổ ngữ zero). Giải pháp thứ nhất không hợp lí. Trên cùng một bình diện, một ngữ đoạn không thể đảm nhiệm hai chức năng (“một thể hai ngôi”). Nói

cách khác, *N* đã đảm nhận cương vị Đề thì không thể cũng là bỏ ngữ trực tiếp “đảo” lên được, bởi cả Đề và bỏ ngữ trực tiếp đều là những đơn vị cú pháp (cho dù chúng không cùng bậc). Vì lí do này, chọn giải pháp thứ 2 (xem bỏ ngữ trực tiếp được tính lược còn *N* là ngữ đoạn đảm nhận vai Đề) là hợp lí. Lí do của việc vắng mặt bỏ ngữ này là sở chỉ của nó trùng với sở chỉ của Đề trong cấu trúc cú pháp. Trong việc tổ chức mệnh đề trên bề mặt cú pháp, Đề được ưu tiên nên chúng xuất hiện (nói đúng ra là bắt buộc phải xuất hiện, vì nếu ngữ đoạn làm Đề bị tính lược đi, có sẽ có kiểu câu khác).

Việc tính lược bỏ ngữ trực tiếp (tức *N*) trong cấu trúc “*N + N' + V (+N)*” không phải chỉ là vấn đề tiết kiệm mà đó còn là “một biện pháp liên kết các thành phần của câu lại để tạo được mạch lạc trong câu và do đó mà làm nên tính *đơn vị*, tính *nhất thể* của câu (...)” [2, tr.109]. Nếu cần, bỏ ngữ này có thể xuất hiện dưới hình thức một đại từ hồi chỉ (“nó”, “chúng”...).

#### 4. Kết luận

Sự phân biệt nội động/ngoại động không phải bao giờ cũng cần phải đặt ra khi nghiên cứu cấu trúc cú pháp trong những ngôn ngữ thiên chủ đề. Trong một ngôn ngữ thiên chủ đề như tiếng Việt, hiện tượng kiểu câu không có vị từ (Thuyết có cấu tạo là ngữ danh từ chứ phải là ngữ vị từ

hay tiểu cú) hoặc câu có Thuyết là một (ngữ) danh từ còn Đề lại là một (ngữ) vị từ hay tiểu cú là khá phổ biến. Với những trường hợp cấu trúc Đề-Thuyết có (ngữ) vị từ hay tiểu cú làm Thuyết, quan hệ giữa phạm trù nội động/ngoại động với cấu trúc Đề-Thuyết diễn ra khá phức tạp. Việc xác định vị từ thuộc loại nào trong những cấu trúc này cần phải gắn với cấu trúc nghĩa của vị từ; cần phải căn cứ vào những ngữ đoạn danh từ hiện diện trên bề mặt cú pháp và cả những ngữ đoạn danh từ vắng mặt nữa. Mọi quan hệ này phản ánh tính phức tạp ở bình diện thể hiện của một ngôn ngữ không biến hình, thiên chủ đề như tiếng Việt. Trong mỗi quan hệ đan xen, phức tạp ấy, có thể nhận thấy những tương đồng và những khác biệt giữa hai bình diện cú pháp và ngữ nghĩa. Cấu trúc nghĩa của vị từ và quan hệ cú pháp của vị từ trong câu tiếng Việt cho dù có những liên hệ, tương đồng nhất định không phải là quan hệ một đối một. Hiện tượng những bỏ ngữ trực tiếp vắng mặt trên bình diện cú pháp và ngữ danh từ đồng sở chỉ đảm nhiệm chức năng cú pháp cơ bản (Đề) trong câu – nghĩa là tham tố Bị thể, Tiếp thể trong cấu trúc nghĩa của vị từ (ở phần Thuyết) xuất hiện trong vị trí Đề ở bình diện cú pháp có thể xem là đặc điểm nổi bật của cấu trúc cú pháp tiếng Việt, một ngôn ngữ thiên chủ đề tiêu biểu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1981), “Bàn về khởi ngữ (chủ đề) trong tiếng Việt”, *Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam* (Nguyễn Tài Cẩn chủ biên), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt. Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Lê Kính Thắng (2016), *Phạm trù nội động/ngoại động trong tiếng Việt*, Nxb Đại học Huế, Huế.
4. Lý Toàn Thắng, Nguyễn Thị Nga (1982), “Tìm hiểu thêm về loại câu “N<sub>2</sub> – N<sub>1</sub> – V””, *Ngôn ngữ*, số 1, tr.21-29.
5. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Hoàng Văn Vân (2007), “Về khái niệm đề ngữ trong ngữ pháp chức năng”, *Ngôn ngữ*, số 2, tr.1-10.
7. Dyvik H. J.J. (1984), *Subject or Topic in Vietnamese?* University of Bergen, Bergen.
8. Halliday, M. A. K. (1994), *An Introduction to Functional Grammar*, Second Edition, Edward Arnold Publisher, London.
9. Hopper, P. J., Thompson, S. A. (1980), “Transitivity in Grammar and Discourse”, *Language*, Vol. 56, No 2, 251-299.
10. Nesfield, J. C. (1898), *Idiom and Grammar*, Macmillan and Co, London.

<sup>1</sup> Để gắn việc khảo sát vào mối quan hệ trên, bài viết không đề cập tới những cấu trúc câu không chứa (ngữ) vị từ, chẳng hạn cấu trúc mà Thuyết là một (ngữ) danh từ (kiểu như: “*Anh ấy người Hà Nội*”, “*Đồng hồ này ba kim*”).

<sup>2</sup> Trong bài viết này, các kí hiệu N, N', N'' dùng để chỉ các (ngữ) danh từ trong câu dựa vào thứ tự xuất hiện một cách nhất quán ([ngữ] danh từ nào xuất hiện trước là N, thứ hai là N', thứ ba là N''). Điều này nhằm tránh sự hiểu nhầm. Chẳng hạn, khi dùng N2 để chỉ (ngữ) danh từ xuất hiện đầu tiên trong câu của một kiểu cấu trúc câu nào đó [x.4] có thể khiến bị hiểu nhầm đây là ngữ đoạn phía sau được đảo lên (tức đã ngầm xác định trước tư cách cú pháp của nó).

Trong bài viết này, “vị từ” dùng để dịch thuật ngữ “verb” trong tiếng Anh.

<sup>3</sup> Cao Xuân Hạo [2], sau khi khẳng định những thuộc tính quan trọng của Đề: vị trí đầu câu, một vị trí “tự nhiên”, phổ biến (tr.90), đã chỉ ra những thuộc tính cú pháp cơ bản của Chủ đề. Đó là: “1. Quyền kiểm định lược bỏ những danh ngữ (kể cả đại từ) đồng sở chỉ trong câu (và đôi khi cả ngoài câu); 2. Quyền kiểm định việc sử dụng đại từ ‘tự ki’ mình; 3. Quyền kiểm định chỉ số số phức đề” (tr.106).